TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Tấn Thành.

Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Huệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N (tên gọi khác N1) - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị Thanh H (tên gọi khác H1) - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-9-2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị N (N1) trình bày:

Ngày 25-01-2021, bà H (tên gọi khác là H) có vay của bà N (tên gọi khác là N1) số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, có viết giấy vay tiền.

Từ khi vay đến nay bà H (H1) không trả tiền vốn và lãi.

Bà N (N1) khởi kiện yêu cầu bà H (H1) có nghĩa vụ trả cho bà 151.440.000 đồng; trong đó: 120.000.000 đồng tiền gốc và 31.440.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

120.000.000 đồng x 1%/tháng x 02 năm 02 tháng 06 ngày (từ ngày 25-01-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 31-3-2023) = 31.440.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm xử lý vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà H (H1) trả cho bà N (N1) số tiền gốc và lãi 151.440.000 đồng.

Nguyên đơn bà N (N1) có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn H (H1) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị N (N1) khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Hà Thị Thanh H (H1) Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà H (H1) được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích chính đáng của bà, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

[3] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, không rút yêu cầu khởi kiện và không thỏa thuận được với bị đơn về toàn bộ nội dung vụ án. Nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bà H (H1) có nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu chồng bà Huệ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nội dung: Xét việc bà Như (tên gọi khác là Nhẹ) yêu cầu bà Hồng (tên gọi khác là Huệ) có nghĩa vụ trả cho bà Như số tiền 151.440.000 đồng; (gồm: 120.000.000 đồng tiền gốc và 31.440.000 đồng tiền lãi) là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[4.1] Về tiền gốc 120.000.000 đồng: Lời trình bày của bà N (N1) phù hợp giấy vay tiền ngày 25-01-2021 bà N (N1) cung cấp số tiền bà H (H1) vay là

120.000.000 đồng. Bà H (H1) vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành lấy lời khai, tuy nhiên bà H (H1) không có mặt ở nhà vào thời điểm Tòa án tiến hành lấy lời khai. Vì vậy, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ bà N (N1) trình bày và cung cấp để giải quyết vụ án. Vì vậy, xét bà H (H1) nợ bà N (N1) 120.000.000 đồng nên bà H (H1) có nghĩa vụ trả cho bà N (N1) theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Về tiền lãi 31.440.000 đồng: Bà N (N1) yêu cầu bà H (H1) có nghĩa vụ trả là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Vì bà N (N1) yêu cầu thời gian tính lãi, số vốn dùng để tính lãi, lãi suất 1%/tháng là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ các nhận định trên, cần buộc bà H (H1) có nghĩa vụ trả cho bà N (N1) 151.440.000 đồng.

[6] Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[7] Về chi phí thu thập chứng cứ, xác minh: Bà N (N1) có nghĩa vụ chịu 2.000.000 đồng, bà N (N1) đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà N (N1) được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí bà N (N1) đã nộp.

[9] Bà H (H1) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N (N1) số tiền 151.440.000 đồng, nên có nghĩa vụ liên đới chịu 7.572.000 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Như (tên gọi khác là Nhẹ) về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Hà Thị Thanh Hồng (tên gọi khác là Huệ).

Buộc bà Hà Thị Thanh H (H1) có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N (N1) số tiền 151.440.000 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí thu thập chứng cứ, xác minh: Bà Trần Thị N (N1) có nghĩa vụ chịu 2.000.000 đồng, bà N (N1) đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

3. Về án phí:

Buộc bà Hà Thị Thanh H (H1) có nghĩa vụ chịu 7.572.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền án phí.

Bà Trần Thị N (N1) không phải chịu án phí. Trả lại cho bà N (N1) 3.595.000 đồng (Ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0005371 ngày 25-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái